

Số: 101/QĐ-TCDCN

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng đợt II năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCDCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của sinh viên trình độ cao đẳng năm 2025; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 12 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp đợt II năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cao đẳng cho **146 sinh viên**, gồm các nghề:

1. Công nghệ ô tô	48 sinh viên
2. Điện công nghiệp	35 sinh viên
3. Tự động hóa công nghiệp	03 sinh viên
3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí:	18 sinh viên
4. Điện tử công nghiệp	14 sinh viên
5. Công nghệ thông tin	18 sinh viên
6. Hàn	01 sinh viên
7. Cắt gọt kim loại	02 sinh viên
8. Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	02 sinh viên
9. Kỹ thuật xây dựng	05 sinh viên

Trong đó: Giỏi 56 sinh viên, đạt tỷ lệ 38.4 %; Khá 72 sinh viên, đạt tỷ lệ 49.3%

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ *uw*

Nơi nhận:

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐTCTHSSV.



TS. Hoàng Anh Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP ĐỢT II NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1011/QĐ-TCDCN, ngày 13 tháng 11 năm 2025)



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Xếp loại	Ghi chú
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTINTH	ĐKLTN	ĐTN		
A Công nghệ ô tô										
I Lớp C16 - Ô tô 2										
<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Tuấn Anh	26/8/2004	Thanh Hóa	6.4	7.5	7.5		6.8	Trung bình	
2.	Lê Đức Bình	17/4/2004	Thanh Hóa	6.4	7.0	7.5		6.9	Trung bình	
3.	Trần Ngọc Hải	16/4/1999	Thanh Hóa	6.2	7.5	7.0		6.5	Trung bình	
4.	Hoàng Ngọc Hào	06/11/2004	Thanh Hóa	6.1	7.5	7.0		6.5	Trung bình	
5.	Vũ Văn Hóa	16/9/2004	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.5		7.1	Khá	
6.	Nguyễn Tấn Ninh	27/5/2004	Thanh Hóa	6.3	7.5	8.0		7.0	Khá	
7.	Vi Văn Nghĩa	03/11/2003	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0		6.9	Trung bình	
8.	Trịnh Đình Nguyên	15/12/2004	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.5		7.5	Khá	
9.	Phạm Văn Quân	20/12/2003	Thanh Hóa	6.5	6.5	8.0		7.1	Khá	
10.	Nguyễn Văn Quyên	18/02/2004	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.5		7.6	Khá	
11.	Lê Văn Tân	23/10/2004	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5		6.9	Trung bình	
12.	Lê Đình Thành	28/4/2004	Thanh Hóa	6.3	8.0	7.0		6.6	Trung bình	
13.	Trần Quốc Tuấn	11/5/2004	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.0		7.0	Khá	
14.	Hà Thanh Tùng	02/5/2004	Thanh Hóa	7.1	8.0	7.5		7.2	Khá	
<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Quốc Cường	30/10/2003	Thanh Hóa	7.2			9.4	8.1	Giỏi	
2.	Phạm Ngọc Cường	26/7/2004	Thanh Hóa	7.0			9.5	8.0	Giỏi	
3.	Trần Văn Duy	11/6/2004	Thanh Hóa	7.5			9.5	8.3	Khá	Hạ mức XL
4.	Lê Thế Kiên	30/12/2003	Thanh Hóa	7.3			9.3	8.1	Giỏi	
5.	Đỗ Đại Lâm	23/7/2004	Thanh Hóa	7.6			9.2	8.2	Giỏi	



6.	Lê Bá	Phiêu	22/4/2001	Thanh Hóa	7.1			9.2	7.9	Khá	
7.	Vũ Tiên	Quang	16/12/2003	Thanh Hóa	7.5			9.2	8.2	Giỏi	
8.	Lê Quyết	Tiến	14/12/2004	Thanh Hóa	6.8			9.2	7.8	Khá	
II	Lớp C16-Ô tô 3										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Lê Văn	An	21/4/2004	Thanh Hóa	6.7	7.0	7.0		6.8	Trung bình	
2.	Đỗ Tuấn	Anh	25/01/2004	Thanh Hóa	6.3	8.0	6.5		6.4	Trung bình	
3.	Trần Ngọc	Anh	05/6/2004	Thanh Hóa	6.4	8.0	7.0		6.6	Trung bình	
4.	Nguyễn Quang	Bắc	22/6/2004	Thanh Hóa	6.7	7.5	7.5		7.0	Khá	
5.	Nguyễn Hữu	Duân	14/02/2004	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.5		7.3	Khá	
6.	Phạm Thành	Đồng	16/11/2001	Thanh Hóa	7.2	7.5	7.0		7.1	Khá	
7.	Lê Đức	Hoàng	24/3/2004	Thanh Hóa	7.4	8.5	8.0		7.7	Khá	
8.	Nguyễn Hữu	Hùng	06/10/2004	Thanh Hóa	6.1	7.5	6.5		6.3	Trung bình	
9.	Lê Văn	Hưng	06/10/2004	Thanh Hóa	6.3	6.5	6.5		6.4	Trung bình	
10.	Nguyễn Sơn	Lâm	11/01/2001	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0		7.4	Khá	
11.	Võ Văn	Lịch	22/9/2004	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0		6.9	Trung bình	
12.	Lê Trọng	Mạnh	19/3/2003	Thanh Hóa	6.6	8.0	7.0		6.7	Trung bình	
13.	Nguyễn Bá	Quốc	25/12/2004	Thanh Hóa	6.2	7.0	6.5		6.3	Trung bình	
14.	Lê Danh	Trực	28/01/2004	Thanh Hóa	6.3	6.0	7.0		6.6	Trung bình	
	<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>										
1.	Bùi Văn	An	26/3/2004	Thanh Hóa	6.9			9.2	7.8	Khá	
2.	Bùi Quang	Duy	24/4/2003	Thanh Hóa	7.4			9.2	8.1	Giỏi	
3.	Nguyễn Văn	Huy	02/01/2004	Thanh Hóa	6.9			9.5	7.9	Khá	
4.	Nguyễn Văn	Ngọc	24/5/2000	Thanh Hóa	7.3			9.6	8.2	Giỏi	
5.	Cao Ngọc	Phong	09/6/2002	Thanh Hóa	6.9			9.6	8.0	Khá	Hạ mức XL
6.	Nguyễn Đăng	Sinh	10/4/2004	Thanh Hóa	7.5			9.5	8.3	Giỏi	
7.	Nguyễn Văn	Tân	27/12/2004	Thanh Hóa	7.0			9.2	7.9	Khá	
8.	Mai Văn	Thực	11/9/2004	Thanh Hóa	7.2			9.3	8.0	Giỏi	
9.	Lê Viết	Tùng	14/12/2002	Thanh Hóa	7.0			9.4	8.0	Giỏi	

10.	Hách Minh	Tiền	24/01/2004	Thanh Hóa	7.5			9.4	8.3	Giỏi	
11.	Nguyễn Thừa	Văn	07/6/2004	Thanh Hóa	7.1			9.5	8.0	Giỏi	
III	Lớp C18-Ô tô LT3										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Lê Văn	Thành	08/5/2006	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.5		7.2	Khá	
B	Điện công nghiệp										
I	C16-Điện 2										
1.	Đình Quốc	Anh	01/8/2004	Tiền Giang	7.1			9.2	7.9	Khá	
2.	Nguyễn Xuân	Cường	14/01/2004	Thanh Hóa	7.2			9.0	7.9	Khá	
3.	Phạm Văn	Hải	20/4/2004	Thanh Hóa	7.3			9.0	8.0	Giỏi	
4.	Bùi Quốc	Hồng	08/12/2003	Thanh Hóa	7.3			8.7	7.9	Khá	
5.	Phạm Trung	Kiên	09/10/2004	Thanh Hóa	7.8			9.6	8.5	Giỏi	
6.	Lê Quốc	Lâm	14/11/2004	Thanh Hóa	7.0			8.8	7.7	Khá	
7.	Lê Việt	Lương	08/03/1999	Thanh Hóa	7.4			8.8	8.0	Giỏi	
8.	Nguyễn Thái Thiên	Minh	02/10/2004	Đồng Nai	7.6			9.2	8.2	Giỏi	
9.	Hà Huy	Nam	12/8/2004	Thanh Hóa	7.3			9.3	8.1	Giỏi	
10.	Đình Văn	Ngọc	21/02/2004	Thanh Hóa	7.2			8.9	7.9	Khá	
11.	Nguyễn Văn	Nhân	07/8/2004	Thanh Hóa	7.8			9.2	8.3	Giỏi	
12.	Nguyễn Bá	Quý	22/11/2004	Thanh Hóa	7.0			8.7	7.7	Khá	
13.	Tạ Văn	Quyên	21/6/2004	Thanh Hóa	7.8			9.7	8.5	Giỏi	
14.	Lường Minh	Sự	21/02/2004	Thanh Hóa	7.0			9.0	7.8	Khá	
15.	Lê Thanh	Tâm	03/4/2002	Thanh Hóa	7.9			9.2	8.4	Giỏi	
16.	Lê Xuân	Tâm	13/8/2003	Thanh Hóa	7.4			8.7	7.9	Khá	
17.	Nguyễn Hữu Chiến	Thắng	03/01/2004	Đà Nẵng	7.5			9.7	8.4	Giỏi	
18.	Lê Khả	Trí	30/01/2004	Thanh Hóa	7.5			9.0	8.1	Giỏi	
19.	Nguyễn Bá	Tú	09/9/2004	Thanh Hóa	7.3			9.0	8.0	Giỏi	
20.	Trần Anh	Tuấn	10/4/2004	Thanh Hóa	7.1			9.3	8.0	Giỏi	
II	C16-Điện 3										
1.	Lê Thành	Chi	23/08/2004	Thanh Hóa	7.3			9.1	8.0	Giỏi	

2.	Lưu Anh	Dũng	18/3/2004	Thanh Hóa	6.8			9.0	7.7	Khá	
3.	Nguyễn Chùng	Dương	09/02/2004	Thanh Hóa	7.5			9.5	8.3	Giỏi	
4.	Nguyễn Hải	Dương	09/10/2004	Thanh Hóa	6.5			9.0	7.5	Khá	
5.	Đỗ Việt	Đức	03/7/2004	Thanh Hóa	7.1			9.0	7.9	Khá	
6.	Nguyễn Trung	Hiếu	28/08/2004	Thanh Hóa	6.5			8.7	7.4	Khá	
7.	Nguyễn Hữu	Hòa	26/9/2002	Thanh Hóa	6.9			9.4	7.9	Khá	
8.	Phạm Văn	Hòa	08/11/2004	Thanh Hóa	7.8			8.7	8.1	Giỏi	
9.	Lê Thanh	Sự	23/9/2004	Thanh Hóa	7.2			9.3	8.0	Giỏi	
10.	Trương Văn	Từ	14/8/2004	Thanh Hóa	7.0			9.0	7.8	Khá	
11.	Bùi Văn	Quyền	07/4/1999	Thanh Hóa	7.2			9.2	8.0	Giỏi	
III	Lớp C18-Điện LT3										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Bá	Huy	21/12/2004	Thanh Hóa	6.5	7.0	7.0		6.8	Trung bình	
	<i>Bảo vệ đồ án tốt nghiệp</i>										
1.	Nguyễn Mai Anh	Đức	30/8/2006	Thanh Hóa	6.9			9.1	7.8	Khá	
2.	Lê Anh	Quân	09/10/2006	Thanh Hóa	7.2			9.5	8.1	Giỏi	
3.	Bùi Anh	Tuấn	21/10/2006	Thanh Hóa	6.5			9.1	7.5	Khá	
C	Tự động hóa công nghiệp										
I	Lớp C16-Tự động hóa										
1.	Phạm Quốc	Việt	31/3/2003	Thanh Hóa	7.6			9.4	8.3	Giỏi	
2.	Nguyễn Thành	Huy	02/3/2004	Thanh Hóa	7.2			8.8	7.9	Khá	
II	Lớp C18-Tự động hóa LT										
1.	Lê Minh	Đạt	01/01/1999	Thanh Hóa	8.2			9.8	8.8	Giỏi	
D	Kỹ thuật máy lạnh & Điều hòa không khí										
I	Lớp C16-Điện Lạnh 2										
	<i>Thi tốt nghiệp</i>										
1.	Đình Công	An	25/8/2004	Thanh Hóa	6.8	8.0	8.5		7.5	Khá	
2.	Nguyễn Tuấn	Anh	04/10/1996	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.5		8.0	Giỏi	
3.	Hà Văn	Huy	03/8/2004	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.0		7.4	Khá	

4.	Trần Ngọc Nam	Khánh	03/10/2004	Thanh Hóa	6.9	8.5	8.0		7.5	Khá	
5.	Hoàng Phương	Nam	14/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	7.0	8.0	8.0		7.5	Khá	
6.	Nguyễn Hoàng	Oanh	24/11/2004	Thanh Hóa	6.8	7.5	8.5		7.5	Khá	
7.	Quách Xuân	Quang	08/10/2003	Thanh Hóa	7.8	7.5	8.5		8.0	Giỏi	
8.	Trịnh Xuân	Sang	22/12/2004	Thanh Hóa	6.8	7.0	8.5		7.4	Khá	
Bảo vệ đồ án tốt nghiệp											
1.	Nguyễn Văn	Hai	29/11/2003	Thanh Hóa	6.3				9.1	7.4	Khá
2.	Trần Văn	Hải	10/02/2000	Thanh Hóa	6.9				9.1	7.8	Khá
3.	Lê Hồng	Nam	06/6/2004	Thanh Hóa	7.0				9.3	7.9	Khá
4.	Lê Văn	Thanh	10/6/2004	Thanh Hóa	7.0				9.3	7.9	Khá
5.	Nguyễn Văn	Tú	22/5/2003	Thanh Hóa	7.9				9.5	8.5	Giỏi
6.	Lê Văn	Tuấn	16/01/2004	Thanh Hóa	7.6				9.5	8.3	Giỏi
7.	Vũ Anh	Tuấn	19/12/2003	Thanh Hóa	7.5				9.1	8.2	Giỏi
8.	Nguyễn Công	Văn	22/02/2004	Thanh Hóa	6.8				9.1	7.7	Khá
II	Lớp C18-Điện lạnh LT2										
1.	Lê Xuân	Thắng	23/02/2006	Thanh Hóa	7.4	6.5	7.5		7.3	Khá	
2.	Nguyễn Khắc Hoàng	Tuấn	26/8/2006	Thanh Hóa	6.7	6.5	7.0		6.8	Trung bình	
E	Điện tử công nghiệp										
I.	C16-Điện tử 2										
1.	Lê Đức	Anh	26/8/2004	Thanh Hóa	8.2				9.5	8.7	Giỏi
2.	Bùi Vĩnh	Chinh	14/12/2004	Thanh Hóa	7.5				8.4	7.8	Khá
3.	Trịnh Hải	Dương	06/6/1996	Thanh Hóa	7.0				9.0	7.8	Khá
4.	Nguyễn Duy	Đông	12/8/2004	Thanh Hóa	7.8				9.6	8.5	Giỏi
5.	Nguyễn Văn	Đức	18/7/2003	Thanh Hóa	7.3				9.1	8.0	Giỏi
6.	Lê Huy	Hoàng	25/6/2001	Thanh Hóa	7.8				9.6	8.5	Giỏi
7.	Trần Quang	Huy	19/11/2004	Thanh Hóa	7.2				8.5	7.7	Khá
8.	Lê Văn	Luân	03/01/2004	Thanh Hóa	7.7				9.5	8.4	Giỏi
9.	Bùi Minh	Ngọc	15/11/2004	Thanh Hóa	7.1				8.0	7.4	Khá

10.	Lê Văn	Thành	25/9/2004	Thanh Hóa	7.7			9.0	8.2	Giỏi	
11.	Nguyễn Minh	Thành	31/01/2002	Thanh Hóa	7.7			8.0	7.8	Khá	
12.	Bùi Văn	Thịnh	28/3/2003	Thanh Hóa	7.3			8.5	7.8	Khá	
13.	Lê Ngọc	Tuấn	11/9/2003	Thanh Hóa	7.2			8.5	7.7	Khá	
II	Lớp C16 - Điện tử LT1										
1.	Lê Trọng	An	14/8/2004	Thanh Hóa	8.1			9.6	8.7	Giỏi	
F	Công nghệ thông tin (UDPM) (Lớp C16- CNTT2)										
1.	Trịnh Việt	Anh	23/11/2002	Thanh Hóa	7.4			9.0	8.0	Giỏi	
2.	Trương Quốc	Cường	26/9/2004	Thanh Hóa	7.3			8.6	7.8	Khá	
3.	My Duy	Dương	27/9/2002	Thanh Hóa	8.4			9.4	8.8	Giỏi	
4.	Ngô Tiến	Đạt	26/7/2003	Thanh Hóa	6.9			8.6	7.6	Khá	
5.	Đỗ Như	Đức	05/01/2002	Thanh Hóa	6.6			8.6	7.4	Khá	
6.	Quách Duy	Hoàng	04/08/2004	Thanh Hóa	7.1			8.5	7.6	Khá	
7.	Nguyễn Duy	Hưng	06/5/1999	Thanh Hóa	6.7			8.7	7.5	Khá	
8.	Quản Trọng Tài	Linh	08/10/2004	Thanh Hóa	6.9			8.8	7.7	Khá	
9.	Bùi Sĩ	Nguyên	26/07/1993	Thanh Hóa	7.7			9.1	8.3	Giỏi	
10.	Nguyễn Hữu	Phú	21/9/2004	Thanh Hóa	6.8			8.5	7.5	Khá	
11.	Nguyễn Đình	Quý	28/12/2004	Thanh Hóa	6.7			8.4	7.4	Khá	
12.	Lê Ngọc Bảo	Thái	08/6/2004	Thanh Hóa	7.4			8.5	7.8	Khá	
13.	Nguyễn Hữu	Thanh	25/3/2004	Thanh Hóa	7.3			8.9	8.0	Giỏi	
14.	Lê Đình	Văn	23/10/2004	Thanh Hóa	7.1			8.5	7.6	Khá	
15.	Nguyễn Đức	Việt	20/12/2002	Thanh Hóa	7.3			9.1	8.0	Giỏi	
16.	Nguyễn Thị Cẩm	Xuyên	10/5/2004	Thanh Hóa	8.0			9.2	8.5	Giỏi	
17.	Nguyễn Hồng	Hải	19/12/2001	Thanh Hóa	7.0			9.2	7.9	Khá	
18.	Bùi Việt	Anh	14/6/1993	Thanh Hóa	8.0			9.1	8.4	Giỏi	
G	Cắt gọt kim loại (Lớp C16-CGKL)										
1.	Lý Xuân	Đạt	12/11/2002	Thanh Hóa	7.8	8.5	9.0		8.3	Giỏi	
2.	Nguyễn Văn	Hải	31/8/2004	Thanh Hóa	7.4	8.0	8.0		7.7	Khá	

H	Hàn (Lớp C16-Hàn)										
1.	Lê Doãn Cường	30/9/2004	Thanh Hóa	7.9	9.0	9.0		8.5	Giỏi		
I	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông (Lớp C16-CNKTĐTTT)										
1.	Lê Hữu Dũng	20/4/2004	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.6		7.9	Khá		
2.	La Văn Thăng	17/5/2001	Thanh Hóa	7.2	8.0	9.0		7.9	Khá		
K	Kỹ thuật xây dựng (C16-KTXD)										
1.	Lê Khả Việt Anh	30/9/2004	Thanh Hóa	7.4			9.1	8.1	Giỏi		
2.	Lê Đình Đạt	14/02/1998	Thanh Hóa	6.7			9.2	7.7	Khá		
3.	Lương Văn Đồng	03/9/1994	Thanh Hóa	7.6			9.2	8.2	Giỏi		
4.	Đào Đức Minh	14/3/2004	Thanh Hóa	7.6			9.1	8.2	Giỏi		
5.	Lê Mạnh Ước	24/01/1992	Thanh Hóa	6.7			9.2	7.7	Khá		

Ghi chú: 02 sinh viên có môn học, mô đun thi lại hoặc học lại, bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp (Giỏi xuống Khá)

(Án định danh sách này gồm 146 sinh viên)

Handwritten signature and stamp